Biến động giá
Nguyên nhân và giải pháp

GS. TS. HOÀNG THỊ CHỈNH

Có thể nói một trong những vấn đề nổi cộm nhất của nền kinh tế nước ta 8 tháng vừa qua chính là sự biến động giá. Theo số liệu gần đây của Tổng cục thống kê thì 8 tháng đầu năm nay, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã tăng 8,3% (tiếp tục tăng 0,6% so với tháng 7), gần gấp 2 lần so với chỉ tiêu Quốc hội đặt ra cho năm nay và là mức cao nhất trong vòng 8 năm qua. Nếu biết rằng 5 năm qua (1999 - 2003), chỉ số lạm phát của Việt Nam luôn ở mức dưới 4% thì những con số trên đây quả là một vấn đề đáng đặt ra cần suy nghĩ.

Tăng giá, sốt giá hay lạm phát?

Trước tình hình biến động giá như trên, nhiều nhà kinh tế đã đưa ra các quan điểm khác nhau mà tựu chung là có thể chia làm 2 loại:

Loại thứ nhất cho rằng giá tăng nhưng chưa phải là lạm phát mà chỉ là "sốt giá" vì chỉ diễn ra ở một số mặt hàng và trong một thời gian ngắn. Hơn nữa giá tăng không phải do yếu kém trong công tác quản lý tài chính - ngân hàng, không phải do lượng cung tiền tăng. Xét ở giác độ tổng quan thì tổng phương tiện thanh toán thấp; tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng USD chỉ biến động nhẹ: giá vàng, giá USD tương đối ổn định; lãi suất tiền gửi không tăng đáng kể; ngân sách tăng khá... Giá tăng chủ yếu là do giá một số mặt hàng tăng vì lý do khách quan và chủ quan. Giá tăng nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn cao thì vẫn yên tâm...

Loại thứ hai lại cho rằng giá tăng trong thời gian vừa qua đã có thể gọi là lạm phát vì chỉ số giá tiêu dùng, loại chỉ số giá được dùng phổ biến nhất đã tăng đáng kể. Biểu hiện của lạm phát là đồng tiền mất giá mà sự mất giá đó có cả trong ngắn hạn và dài hạn. Có người còn cho rằng lạm phát đã trở lại và đang "đe doạ nghiêm trọng" đến nền kinh tế.

Để xem quan điểm nào đúng cần phải tìm hiểu nguyên nhân tăng giá trong thời gian vừa qua.

Qua nghiên cứu, có thể nhận dạng một số nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan đã làm giá cả tăng, đó là:

1. Dịch cúm gia cầm làm hơn 40 triệu gia cầm bị chết, bị tiêu huỷ, gần 1 tỷ quả trứng phải loại bỏ mà thịt và trứng gia cầm chiếm 25-30% sản lượng cũng như nhu cầu tiêu thụ thực phẩm của người dân. Rét đậm kéo dài ở miền Bắc và hạn hán ở miền Trung đã làm giá lương thực, thực phẩm tăng cao. Bên cạnh đó, lượng gạo xuất khẩu năm 2003 tăng tới 580 nghìn tấn trong khi gạo sản xuất chỉ tăng khoảng 47 nghìn tấn cũng tạo nên sự khan hiếm về lương thực, tạo áp lực lên giá.

2. Giá thế giới tăng làm tăng giá các mặt hàng là nguyên, nhiên vật liệu, vật tư như:xăng dầu, sắt thép, xi măng, phân bón, nhựa...Thí dụ, trong tháng 3, có lúc giá dầu thế giới đạt 46 USD/ thùng đã làm cho cả 9 doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu lỗ hơn 900 tỷ đồng; trong tháng 1 giá phôi thép thế giới đã tăng đến mức đạt 380 USD/ tấn; chỉ trong vòng 1 tháng giá nguyên liệu nhựa nhập khẩu đã tăng bình quân 40-60USD/ tấn; chỉ trong vòng 1 tuần giá phân bón đã tăng 20 USD/tấn...Bên cạnh đó, do đồng USD mất giá cũng làm cho hàng hoá nhập khẩu từ châu Âu và các nước Đông Á đã trở nên mắc hơn.

3. Công tác quản lý lỏng lẻo đã làm cho giá thuốc tân dược tăng cao. Do tính độc quyền và yếu kém trong công tác phân phối lưu thông mà một số doanh nghiệp Nhà nước đã đầu cơ trục lợi cũng làm giá một số mặt hàng tăng như thép là một ví dụ. Theo Bộ trưởng Bộ tài chính Nguyễn Sinh Hùng thì từ báo cáo quyết toán của một số nhà máy sản xuất thép trong quý 1 năm 2004 cho thấy lãi đã đạt mức 40-50% là quá cao và phi lý trong khi Nhà nước phải hy sinh lợi ích để giảm thuế thì các doanh nghiệp này lại ra sức trục lợi.

4. Chính sách tiền tệ: Từ năm 2003, lượng cung tiền vào lưu thông tăng cao, tín dụng tăng trưởng nóng và lãi suất trong năm 2003 cũng ở mức cao nhất trong những năm gần đây. Trước tình hình đó, Ngân hàng Nhà nước phải can thiệp để hạ nhiệt lại suất. Chính vì lẽ đó mà ngay từ cuối năm 2003, tiền gửi vào ngân hàng đã ít hơn số tiền mà họ rút ra làm lượng cung tiền trong lưu thông tăng lên. Do đó có thể nhận định rằng, góp một phần vào sự tăng giá của năm 2004 là hệ quả từ chính sách tài chính tiền tệ của năm 2003.

5. Do yếu tố tâm lý kéo theo phản ứng dây truyền: mặt hàng này chưa tăng giá thì mặt hàng khác đã tăng; hoặc mặt hàng này tăng một thì mặt hàng kia đã tăng hai, ba lần. Thí dụ giá xăng mới tăng có một chút mà giá đi taxi đã tăng 25% là không thể chấp nhận được; hoặc giá ở chợ đầu mối chưa tăng mà giá ở các chợ nhỏ đã tăng thì đúng là kiểu " đón đầu" như vậy chỉ chết các bà nội trợ!

Rõ ràng trong các các yếu tố làm tăng giá trên đây, ngoài những yếu tố là do từ phía cung, có cả những yếu tố là do từ phía cầu; ngoài những yếu tố về giá cả cũng có cả những yếu tố về tiền tệ. Hơn nữa, những biến động về giá không chỉ xảy ra ở một số mặt hàng mà là ở hầu hết các mặt hàng (Bảng 1); không chỉ ở những tháng cuối năm như mọi khi mà kéo dài trong suốt 8 tháng qua và còn có khả năng tiếp tục tăng thêm nữa.

Và như thế nếu cho rằng "lạm phát xảy ra khi mức chung của giá cả và chi phí tăng" (theo *Kinh tế học* tập 1, trang 281 của Paul Samuelson) thì sự tăng giá của Việt Nam trong thời gian qua cũng có thể gọi là lạm phát. Tuy nhiên, theo sự phân loại có 3 mức lạm phát (lạm phát vừa phải hay lạm phát nhẹ; lạm phát phi mã và siêu lạm phát) thì lạm phát của Việt Nam thuộc loại 1 (tức là dưới 10%). Hơn nữa, nếu loại bỏ một số mặt hàng như xăng dầu, lương thực... ra khỏi rổ hàng hoá để tính chỉ số lạm phát cơ bản như ở một số nước đã làm thì chỉ số lạm phát của Việt Nam không cao, chỉ bằng một nửa so với chỉ số giá tiêu dùng hiện nay. Thực tế ở nhiều nước đã cho thấy lạm phát vừa phải không thật đáng lo ngại vì không ảnh hưởng nhiều đến sản lượng thực tế.

Tuy nhiên, sự tăng giá ở Việt Nam trong thời gian qua cũng đã tác động nhiều mặt đến đời sống kinh tế, xã hội, đó là:

Thứ nhất, đối với người sản xuất, tăng giá đã làm giá đầu vào tăng, từ đó làm tăng giá đầu ra, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, một số doanh nghiệp đã phải thu hẹp quy mô sản xuất. Thí dụ, tháng 2, giá bột nhựa PVC tăng thêm 100 USD/ tấn so với tháng 1; tăng 350 - 400 USD/tấn so với cùng kỳ của năm 2003 đã làm cho 100 % doanh nghiệp nhựa phải giảm công suất, sản lượng từ 50 đến 60%, hậu quả là giá các mặt hàng nhựa gia dụng tăng 20 -25%, nhựa công nghiệp tăng 10-15%. Để giữ chân khách hàng, một số doanh nghiệp đã không tăng giá mặc dù giá đầu vào tăng và phải chấp nhận lỗ.

Thứ hai, đối với người tiêu dùng, giá tăng trong khi thu nhập không tăng đã làm túi tiền tích luỹ giảm, sức mua giảm, thu nhập thực tế của người dân đã giảm do đồng tiền mất giá, đặc biệt đối với tầng lớp làm công ăn lương và loại lao động có thu nhập thấp. Với các đối tượng này, lương thực, thực phẩm là những mặt hàng thiết yếu, chiếm tỷ trọng cao trong chi tiêu của hộ gia đình mà giá những mặt hàng này lại thuộc vào nhóm tăng nhiều nhất (Bảng 1) khiến các bà nội trợ phải" đau đầu "tính toán, vật lộn với giá cả leo thang mỗi ngày trong khuôn khổ ngân sách gia đình eo hẹp. Giá tăng trong khi lãi suất gửi ngân hàng lại không tăng (lãi suất bình quân trong 6 tháng vừa qua là 0,60-0,67%/tháng trong khi chỉ số giá tiêu dùng tăng 7,2%) càng làm cho người tiêu dùng bị thiệt hại.

Thứ ba, đối với các công trình xây dựng, ở những tháng đầu năm do giá thép tăng cao, nhiều hợp đồng xây dựng đã phải huỷ bỏ. Các nhà thầu xây dựng bị rơi và tình trạng "tiến thoái lưỡng nan": huỷ bỏ hợp đồng thì phải bồi thường mà tiếp tục xây dựng thì phải chấp nhận lỗ. Do đó, nhiều chủ thầu đã chỉ đạo công nhân làm từ từ để "nghe ngóng tình hình" và sẵn sàng chấp nhận bị phía chủ nhà phạt do trễ hợp đồng.

Thứ tư, đối với ngân sách của Chính phủ, để bình ổn giá cả, Nhà nước đã phải áp dụng các biện pháp như: giảm thuế nhập khẩu đối với thép, xi măng, bù lỗ đối với xăng dầu...Chỉ tính riêng đối với xăng dầu mà cân đối thu chi ngân sách của Chính phủ đã bị thâm hụt trên 10 nghìn tỷ đồng.

Rõ ràng, tuy chưa đến mức đáng lo ngại, nhưng sự biến động giá trong những tháng vừa qua đã có những tác động không nhỏ đến hầu hết các đối tượng trong xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tác động tiêu cực thì sự tăng giá vừa qua cũng có những tác động tích cực như giá lương thực, thực phẩm tăng làm cho người nông dân có lợi (giá gạo xuất khẩu tăng 18%; giá gạo trong nước tăng 14%), góp phần rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa giá nông sản với giá cả các mặt hàng công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, chỉ có lợi đối với hộ nông dân có lương thực, thực phẩm để bán, còn những hộ nông dân nghèo, thiếu ăn thì khi giá lương thực, thực phẩm tăng cao lại là gánh nặng đối với tầng lớp dân cư này. Do vậy, việc giảm nhiệt giá cả, bình ổn giá cả vẫn là việc làm quan trọng và cần thiết đang đặt ra đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

Bảng 1: Tốc độ tăng, giảm giá tiêu dùng một số mặt hàng và dịch vụ
(Tính đến thời điểm hết tháng 8 năm 2004)

Các mặt hàng và dịch vụ	Tháng 8/2004 tăng, giảm so với : (%)		
	Kỳ gốc (2000)	Tháng 8.2003	Tháng 7.2004
1. Lương thực - Thực phẩm	25,5	16,5	0,7
- Lương thực	22,2	18,1	0,8
- Thực phẩm	27,7	17,1	0,8
2. Đồ uống và thuốc lá	13,1	4,3	0,4
3. May mặc,mũ nón, giày dép	8,9	4,1	0,4
4.Nhà ở và vật liệu xây dựng	23,1	6,8	0,6
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	7,3	3,7	0,4
6. Dược phẩm , y tế	33,1	14,8	0,8
7. Phương tiên đi lại, bưu điện	- 0,9	0,3	0
8. Giáo dục	17,0	1,2	0,4
9. Văn hoá, thể thao giải trí	0,1	2,2	- 0,1
10. Đồ dùng và dịch vụ khác	13,2	5,6	0,4

Nguồn : Tổng cục thống kê

Đâu là những giải pháp?

Giá cả vẫn có thể tăng trong những tháng tới đây vì:

- Do nhiều bất ổn chính trị trên thế giới, giá dầu vẫn tiếp tục tăng cao (theo dự báo của nhiều nhà kinh tế thế giới thì giá một thùng dầu có thể đạt trên 50 USD), từ đó dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào như xăng dầu, phân bón sắt thép... vẫn cò có khả năng tiếp tục tăng.

- Giá lương thực, thực phẩm cũng chưa thể hạ ngay được vì để khôi phục đàn gia cầm cũng phải mất từ 2- 3 năm. Đó là chưa kể ở một số địa phương trong thời gian vừa qua dịch cúm gà đã có nguy cơ tái phát, làm chết cả người như ở Hậu Giang và Hà Tây.

- Với lãi suất thấp như hiện nay,

người tiêu dùng gửi tiền vào ngân hàng sẽ có xu hướng chuyển từ gửi bằng đồng Việt Nam sang các đồng tiền khác. Điều đó sẽ làm ảnh hưởng đến nhu cầu huy động vốn bằng nội tệ và góp phần làm tăng giá.

- Nhà nước tiến hành điều chỉnh lương vào tháng 10 năm nay cùng với dự kiến trần thanh toán viện phí tăng 10% cũng góp phần tạo tâm lý tăng giá.

- Tình trạng độc quyền của một số doanh nghiệp nhà nước chưa dễ gì được loại bỏ trong thời gian trước mắt dẫn đến khả năng tăng giá các mặt hàng chiến lược như xăng dầu, xi măng , giấy, dược phẩm... là khó tránh khỏi.

Trước những triển vọng tác động của các nhân tố trên đây cùng với việc tìm hiểu các các nguyên nhân tăng giá như đã phân tích ở trên, để bình ổn giá cả cần phải thực hiện động bộ các giải pháp sau đây:

1. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, đặc biệt là tìm mọi biên pháp để khôi phục lại đàn gia cầm trong thời gian ngắn, trong đó vấn đề thức ăn gia súc, giống cần được các cơ quan chuyên môn nghiên cứu để hạ giá thành thức ăn, tăng hiệu quả chất lượng con giống. Nhà nước cần tiếp tục hỗ trợ về tài chính để khôi phục nhanh đàn gia cầm. Khống chế lượng xuất khẩu gạo cũng là vấn đề cần phải được đặt ra. Vừa qua, Nhà nước cũng đã chủ trương giảm xuất khẩu gạo để tăng lượng cung trong nước, góp phần bình ổn giá cả. Việc tăng xuất khẩu gạo không cân nhắc kỹ cũng đã góp phần tạo nên một khoảng trống để gạo của Thái Lan tràn vào thị trường Việt Nam, đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu Long, vốn là vựa lúa lớn nhất của cả nước.

2.Vì lạm phát vừa qua có cả yếu tố tiền tệ nên giải pháp để giảm lượng cung ứng tiền trong lưu thông cần phải được đặt ra. Chính phủ đã tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng làm tổng phương tiện thanh toán đưa vào nền kinh tế giảm, từ đó kiểm soát được việc tăng trưởng tín dụng, hạn chế sự dịch chuyển từ đồng Việt Nam sang đồng ngoại tệ. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ làm cho các ngân hàng phải cân nhắc kỹ hơn khi cho vay, tức là chỉ tập trung vào những dự án nào có hiệu quả. Ngoài ra, Chính phủ cũng có thể phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước để thu bớt tiền tệ trong lưu thông, góp phần làm giảm giá...Thực hiện giải pháp tiền tệ có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên nếu không thì có thể dẫn đến lạm phát tăng. Vấn đề đặt ra lúc này là cần ưu tiên cho việc bình ổn giá cả, chống lạm phát mà chấp nhận nền kinh tế ở mức tăng trưởng vừa phải..

3. Vì sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, do đó để tránh những cú sốc về giá cả thì việc chủ động có được nguyên, nhiên vật liệu là cực kỳ quan trọng, nhất là những mặt hàng chiến lược. Liên quan đến vấn đề này cần thực hiện một loạt các giải pháp như: có các chính sách hợp lý để đẩy mạnh sản xuất nguyên liệu, vật tư trong nước, đồng thời phải có chiến lược dự trữ quốc gia được xây dựng trên những dự báo khoa học về xu hướng biến động nguồn cung ứng, giá cả trong nước và thế giới. Muốn vậy phải có những biện pháp thu thập thông tin, có chuyên gia giỏi và ứng dụng công nghệ hiện đại để xử lý chúng.

4. Cần chú ý đến việc tiết kiệm tối đa trong khi sử dụng nhiên liệu cả ở giác độ nhà nước, doanh nghiệp và mỗi cá nhân người tiêu dùng. Về vấn đề này, kinh nghiệm của Thái Lan, một nước láng giềng có nền kinh tế khá năng động đáng để cho chúng ta học tập. Để tiết kiệm năng lượng, Chính phủ nước này đã đưa ra 5 biện pháp, đó là: đóng cửa các trạm xăng dầu từ nửa đêm đến 5 giờ sáng ngày hôm sau; cắt các nguồn điện sử dụng cho các bảng quảng cáo bắt đầu từ 22 giờ hàng ngày; tắt bảng đèn chiếu sáng trên một số tuyến đường; tăng mức thuế đối với những xe hơi có động cơ trên 2.500 cc; và giảm 10% mức tiêu thụ xăng dầu của các cơ quan nhà nước (Ở nước ta vừa qua Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải cũng đã đưa ra chỉ tiêu tiết kiệm 10% xăng dầu trong các cơ quan nhà nước). Ngoài ra, những biện pháp khác cũng cần nghiên cứu để áp dụng như: dùng các nhiên liệu khác để thay thế như sức gió, thuỷ điện, năng lượng mặt trời,điện hạt nhân như ở nhiều nước đã làm. Liên kết với các quốc gia trong khu vực để tiết kiệm xăng dầu cũng là một biện pháp. Thí dụ xây dựng mạng lưới điện hoặc hệ thống dẫn khí xuyên quốc gia. Cần tham khảo ý kiến khi cho rằng có thể đưa dầu thô của VN sang gia công lọc dầu ở Singapo để tránh được tác động của việc tăng giá dầu thế giới.

5. Các doanh nghiệp Việt Nam, người trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh phải triển khai đồng loạt các biện pháp để tiết kiệm chi phí, huy động tối đa năng lực sản xuất, đảm bảo có đủ lượng hàng để cung ứng cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước, hạn chế nhập khẩu. Muốn vậy, ngoài sự cố gắng của các doanh nghiệp, Chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp để tăng năng suất và chất lượng hàng hoá bằng các công cụ điều tiết về thuế, hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, hỗ trợ tiếp cận thị trường... Đồng thời Nhà nước phải kiểm soát chặt chẽ vấn đề độc quyền, tránh đầu cơ trục lợi của một số doanh nghiệp nhà nước.

6. Có cả nguyên nhân tâm lý dẫn đến tăng giá. Do đó, mỗi công dân Việt Nam cần phải hiểu rằng với xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập, việc tác động của thị trường thế giới đến giá cả trong nước là đương nhiên. Quá bi quan, hốt hoảng hoặc phản ứng một cách quá mức đều không có lợi. Việc bình ổn giá là trách nhiệm của mỗi người, nên chia sẻ khó khăn giữa 3 phía: Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Tóm lại, nhận thức đúng về bản chất, nguyên nhân, những tác động của sự tăng giá trong thời gian qua để từ đó có những giải pháp xử lý nhằm góp phần bình ổn giá cả, phấn đấu không để giá cả tăng đến con số có 2 chữ số trong năm nay. Kết quả tăng trưởng trong 8 tháng qua cho thấy mặc dù có lạm phát nhưng nhìn chung nền kinh tế VN vẫn đạt được những kết quả khả quan và nếu tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp điều hành và quản lý thì các mục tiêu kinh tế đặt ra cho năm nay vẫn có thể đạt được ■